

DƯỢC SƯ ĐÀN PHÁP

Theo truyền thống phổ thông của Mật Giáo thì Đạo Trường được gọi là **Đàn Trường** (Maṇḍala) hay vòng đai pháp thuật để có thể tách biệt với khu vực phạm tục chung quanh ngõ hầu hiển lộ được thần lực và thấu đạt trực kiến các luật lệ tâm linh. Do đó Maṇḍala là một biểu đồ chỉ một Thần Tính trong sự liên hệ Tâm Linh hay vũ trụ, trong đó Thần Tính được biểu thị qua hình ảnh nhân vật hoặc minh họa những căn vận qua chữ Cổ Phạn hay nương nhờ vào những hình tượng khác. Một số Maṇḍala biểu thị cho sự cô đọng toàn thể vũ trụ gồm có chư Phật, chư Bồ Tát, Chư Thiên, chư Thần Thánh, Ma Quỷ, sông, núi, biển, cung điện, vật báu, văn tự Kinh Điển, Ấn Quyết... Nói cách khác Maṇḍala tượng trưng cho Chân Thật Giới bằng hình tướng và sắc thể, biểu thị cho tướng mạo sai biệt biến hiện trên 6 Đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức) qua hình tượng hoặc căn vận. Mỗi Maṇḍala có một câu Chú (Mantra) hay Chủng Tự (Bija) hướng dẫn và sau khi được một Đạo Sư (Guru) ấn chứng nghĩa là di chuyển sức mạnh huyền bí (Prāna-pratiṣṭha) của mình vào trong đó thì Maṇḍala sẽ biến hóa vô cùng tùy theo công năng và căn cơ của người thực hiện để minh xác năng lực tâm linh. Vì thế Maṇḍala chính là cây cầu nối giữa Thế Giới thường ngày của tri giác có thời gian tính với Thế Giới Trí Tuệ không có thời gian tính. Một khi Hành Giả đã quán tưởng và gia trì các Chân Ngôn đến chỗ tự đồng hóa là một với Maṇḍala thì Hành Giả sẽ thành tựu quyền năng vượt thoát những xiềng xích của cuộc sống khổ đau.

Pháp tu Mật ở Ấn Độ nói là: “*Để ngăn ngừa Ma Chướng xâm nhập mà vẽ khu vực hình tròn, hình vuông hoặc xây dựng Đàn đất. Có lúc bên trên vẽ tượng Phật Bồ Tát. Khi xong việc rồi thì phá bỏ tượng đi cho nên thường dùng khu vực vẽ hình tròn hoặc hình vuông để làm Địa Vực và gọi là Man Trà La (Maṇḍala). Do coi bên trong Địa Vực ấy tràn đầy chư Phật và Bồ Tát mà gọi là **Luân Viên Cự Túc***”

Ở trong Luật cũng nói là: “*Tránh sự bất tịnh mà ở mỗi trường hợp làm Man Trà La*”

Theo nghĩa rộng hơn, Maṇḍala được dịch âm là Man Đà La, Man Trà La, Mạn Trà La, Mạn Noa La, Mãn Noa La và được dịch ý là Đàn, Đạo Trường, Tự Tập, Luân Viên Cự Túc.

Đại Nhật Kinh Sớ quyển 4 ghi là : “*Man Trà La có các ý nghĩa là*

1) **Luân Viên Cự Túc**: là các Tôn như bánh xe xoay vòng bốn phía ở Phổ Môn của Đại Nhật Như Lai, hiệp trợ Đức Đại Nhật khiến cho chúng sinh được vào Phổ Môn

2) **Phát Sinh**: là hay nuôi dưỡng Phật Chủng để sinh Phật Thọ Vương (Phật Quả). Lại do ý nghĩa của Phạn Ngữ, Maṇḍala là tinh chế sữa bò làm Đê Hồ cho nên Maṇḍala biểu thị cho sự thuần tịnh dung diệu của Phật Quả tức là địa vị Cực Vô Tỷ không có địa vị nào hơn”

Mật Giáo đòi sau nhận định rằng sự chủ yếu của Man Trà La là ý **Tự Tập** tức là đất cư ngụ của chư Phật, Bồ Tát, Thánh Giả. Ấn Độ đắp Đàn đất (**Thổ Đàn**) tức là y theo đồ hình trên làm các Tôn, sau khi xong việc lại phá bỏ đi. Ở Trung Hoa, Nhật Bản thì chuyên dùng giấy và lụa để vẽ hình các Tôn (**Mộc Đàn**), hoặc đơn giản tại nơi chốn ấy rưới vẩy nước thanh tịnh mà thành **Thủy Đàn**

Man Trà La có 4 loại gọi là **Tứ Chủng Man Trà La** hay gọi tắt là **Tứ Man** gồm có :

1) **Đại Man Trà La (Tôn Hình Man Trà La)**: là hình vẽ các Tôn đầy đủ dung mạo, tướng tốt

2) **Tam Muội Gia Man Trà La**: Do Tam Muội Gia (Samaya) của các Tôn biểu thị cho Bản Thệ, là các vật khí được cầm trong tay như: Đao, kiếm, gậy, bông, khí trượng, Kinh Điện... Khi dùng hình vẽ ghi các vật hoặc tạo tay kết Ấn Khế mà được gọi là Tam Muội Gia Man Trà La

3) **Pháp Man Trà La (Chủng Tử Man Trà La)**: là hình vẽ các chủng tử với Chân Ngôn của các Tôn đặt ở Bản Vị của các Tôn. Hoặc dùng Tam Ma Địa (Samādhi) của Pháp Thân (Dharmakāya) rồi lấy tất cả văn nghĩa của Kinh Luận mà ghi nhận Tôn Vị

4) **Yết Ma Man Trà La**: là hình tượng biểu thị các sự nghiệp uy nghi của các Tôn

Bốn loại Man Trà La này đều có 3 thứ Man Trà La là :

a) **Đô Hội (Đô Môn, Phổ Môn) Man Trà La**: là các Tôn cùng tụ tập một chỗ như Đại Nhật Như Lai (Vairocana Tathāgata) được dùng làm trung tâm cho 2 Bộ Man Trà La (Thai Tạng Giới Man Trà La và Kim Cương Giới Man Trà La)

b) **Bộ Đô Man Trà La**: là bộ phận của các Tôn như Phật Đỉnh Man Trà La của Phật Bộ (Buddha kulāya), Thập Nhất Diện Quán Âm Man Trà La của Liên Hoa Bộ (Padma Kulāya)

c) **Biệt Tôn (Nhất Môn) Man Trà La**: là dùng một Tôn làm trung tâm như Thích Ca Man Trà La, Như Ý Luân Man Trà La

Y theo sự thuyết Pháp của Kinh Đại Nhật thì có thể quy nạp nơi ba loại thân bí mật là :

1_ **Chữ**: là Pháp Man Trà La (Dharma-maṇḍala)

2_ **Ấn**: là Tam Muội Gia Man Trà La (Samaya-maṇḍala)

3_ **Hình**: là Đại Man Trà La (Mahā Maṇḍala)

Ba Thân này đều đầy đủ sự nghiệp uy nghi nên gọi là Yết Ma Man Trà La (Karma-maṇḍala)

Bốn loại Man Trà La này tuy viên mãn đầy đủ vạn Đức nhưng tổng quát thì quy về một mà siêu việt sự tương đối, đây là **Thế Đại Man Trà La**. Do đầy đủ sự sai biệt của mọi tướng nên gọi là **Tướng Đại Man Trà La**. Do đầy đủ nghiệp dụng của 3 Mật nên gọi là **Dụng Đại Man Trà La**

Lại nữa do 4 Man Trà La nhiếp tất cả tướng trạng tồn tại nên đối với 6 Đại, Thế Đại, Tam Mật Dụng Đại mà gọi là **Tứ Man Tướng Đại**.

Ngoài ra còn có thuyết nói về **Tam Chủng Tử Man Trà La** là :

1) *Nói về đời quá khứ* : Tập trung chúng Thánh nơi Pháp Hội do Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai nói Pháp, gọi là **Tự Tính Hội Tứ Man**

2) *Nói về đời vị lai*: Ảnh tượng với sự ghi chép tô vẽ, gọi là **Thế Gian Trụ Trì Man Trà La**

3) *Nói về đời hiện tại* : Du Hành Giả gọi là Hành Giả tu hành Tứ Man

Riêng 4 Trí Ấn (Tứ Ấn) gồm Đại Trí Ấn, Tam Muội Gia Trí Ấn, Pháp Trí Ấn, Yết Ma Trí Ấn cùng với 4 Man có chỗ dị đồng tức là đồng thể mà khác tên. Hoặc nói là Tứ Man đối với *Thế vốn có của Hữu Tình* mà có tên, còn Tứ Ấn thì đối với sự tu hành sinh ra mà có tên

Tu Pháp Đàn: tức Đàn được dùng theo Pháp tu. Khi tu Pháp thời an trí tượng Phật, Tam Muội Gia kèm phối trí vật được cúng với nhóm dụng cụ dùng để cúng. Y theo bảy ngày dựng lập Đàn Pháp. Ở đây có Đại Đàn, Hộ Ma Đàn, Tiểu Đàn...

Đại Đàn là bên trên vẽ làm **Chủ Đàn** là **Bản Tôn** của Pháp tu

Hộ Ma Đàn là ở chính giữa hoặc ở một bên của Đại Đàn có an trí một lò lửa thiêu đốt phẩm vật. Hình của cái lò tùy theo nhóm Pháp Tăng Ích... mà có hình vuông

tròn khác nhau. Như Pháp **Tức Tai** làm Đàn hình tròn, Pháp **Tăng Ích** làm Đàn hình vuông, Pháp **Điều Phục** làm hình tam giác, Pháp **Câu Triệu, Kính Ái** làm đàn hoa sen **Tiểu Đàn** dùng cho Đàn riêng của nhóm Quán Đỉnh

.)Lại y theo hình dạng của Đàn mà phân chia: hình vuông là **Địa Luân Đàn**, hình tròn là **Thủy Luân Đàn**, hình tam giác là **Hỏa Luân Đàn**, hình nửa vành trăng là **Phong Luân Đàn**

.)Nếu là Giới Trường để cùng nhau thọ nhận **Giới** thì xưng là **Giới Đàn**, Nơi chốn có an trí tượng Phật thì xưng là **Phật Đàn**

.)**Đàn Thành** có hai bộ phận là Đàn và cái thành.

Thành là cái thành ở bên ngoài Đàn Tháp, hình vuông vức, dựng các tòa, điện báu cúng phụng chư Phật Bồ Tát

Đàn phân làm hai bộ phận **Hiển Mật**. **Hiển Đàn** làm hình tròn có nhiều lớp, bên trong dựng phương báu, trên đỉnh phương có dù lọng trang sức... các tầng phân biệt cúng phụng chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh, Hộ Pháp...**Mật Đàn** cúng phụng các Đức Như Lai thuộc Mật Bộ của Bản Tôn, là Nội Quyển Thuộc chuyên tu Đạo Trường

Được Sư Đàn được y cứ các Kinh Quý của Đức Phật Được Sư như: **Được Sư Lưu Ly Quang Bí Mật Tu Trì Nghi Quy**, **Phật Thuyết Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức Kinh**, **Thất Phật Được Sư Lưu Ly Quang Bản Nguyện Công Đức Kinh** mà tạo lập.

Được Sư Đàn minh họa sự tụ tập của chư Phật Bồ Tát trong Được Sư Hải Hội nhằm nhắc nhở con người nên tỉnh Phật trụ ở đời, tỉnh Pháp trụ ở đời và cùng nhau tu tạo Công Đức, lợi ích cho mình cho người

Tùy theo sự truyền thừa mà **Được Sư Đàn** có nhiều dạng khác nhau. Thông thường đều dựng lập Đàn theo hình tượng của Bản Tôn Được Sư với các Tôn quyền thuộc

.)Được Sư Tam Tôn Pháp Đàn



)Dược Sư Tam Tôn với 7 Đức Phật Dược Sư





1_ Trung tâm: Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai (màu xanh dương)

_Lớp thứ nhất: 8 Phật

2_ Aśokattama-srī (màu hồng)

3_ Suvarṇa-bhadra (màu trắng)

4_ Abhijñarāja (màu hồng)

5_ Śākyamuṇi (màu vàng rờng)

6_ Suparikirtita-nama-srī (màu vàng)

7_ Nirghoṣa-rāja

8_ Dharma-kirti-sāgara

9_ Prajña-pāramitā

_Lớp thứ hai: 16 Bồ Tát

10_ Chính Đông: Mañjuśrī (màu vàng)

11_ Avalokiteśvara (màu trắng)

12_ Vajra-pāṇi (màu xanh)

13_ Sūryābhaskara (màu cam) (?Nhật Quang)

- 14_ Chính Nam: Candra-prabha (màu trắng)
- 15_ Mahāmati (màu vàng)
- 16_ Maitreya (màu vàng)
- 17_ Kyab-Drol (màu cam)
- 18_ Chính Tây: Pobpa Tsegpa (màu trắng)
- 19_ Vikramin (màu xanh đen)
- 20_ Tana (màu trắng)
- 21_ Jompa'i Lodro (màu vàng pale)
- 22_ Chính Bắc: Sampa Legpa (màu trắng)
- 23_ Merukut (màu trắng)
- 24_ Sang Sangpo'i Jung (màu xanh dương)
- 25_ Lhunpo Chenpo (màu trắng)

_Lớp thứ ba: 10 hàng Trời và 12 Đại Tướng Dược Xoa

- .)10 hàng Trời
- 26_ Chính Đông: Brahma (màu vàng)
- 27_ Indra (màu trắng)
- 28_ Agni (màu đỏ)
- 29_ Chính Nam: Yama (màu xanh dương)
- 30_ Tây Nam: Rakṣasa (màu maroon đen)
- 31_ Chính Tây: Varuṇa (màu trắng)
- 32_ Tây Bắc: Vāyu-deva (màu smoky)
- 33_ Bắc: Yakṣa (màu vàng)
- 34_ Đông Bắc: Īśāna (màu trắng)
- 35_ Bhudevi (màu vàng)
- .)12 Đại Tướng Dược Xoa
- 36_ Chính Đông: Jijig (màu vàng)
- 37_ Vajra (màu đỏ)
- 38_ rgyan 'dzin (màu vàng)
- 39_ Chính Bắc: g.za' 'dzin (màu xanh dương)
- 40_ Vatadhara (màu đỏ)
- 41_ gnas bcas (màu khói)
- 42_ Chính Tây: dbang 'dzin (màu đỏ)
- 43_ btung 'dzin (màu vàng)
- 44_ smra 'dzin (màu hồng)
- 45_ Chính Nam: bsam 'dzin (màu xanh dương)
- 46_ g.yob 'dzin (màu xanh dương)
- 47_ rdzogs byed (màu đỏ)

_Bốn cửa: 4 vị Thiên Vương

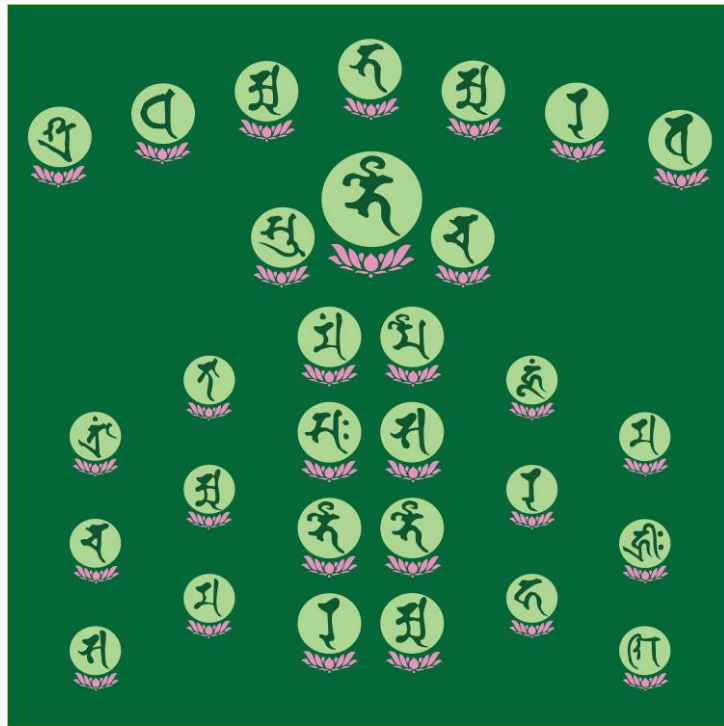
- 48_ Đông: Dhṛta-rāṣṭra (màu trắng)
- 49_ Nam: Virūḍhaka (Màu xanh dương)
- 50_ Tây: Virūpakṣa (màu đỏ)
- 51_ Bắc: Vaiśravaṇa (màu vàng)

)Bát Đại Dược Sư Đản Thành



八大药师佛坛城
www.guanzizai.com.cn

DUỢC SƯ ĐÀN



Lớp thứ nhất trên cùng từ trái sang phải là 7 Phật Dược Sư:

1) Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai, chủng tử ŚRA (श्री)

नमो भगवते अशोककौटिल्य श्री गणेशाय

NAMO BHAGAVATE AŚOKOTTAMA-ŚRĪ TATHĀGATĀYA

2) Pháp Hải Lô Âm Như Lai, chủng tử DHA (ध)

नमो भगवते धर्म कुल मंगल आय नमो गणेशाय

NAMO BHAGAVATE

DHARMA-KIRTI-SĀGARA-GHOṢA

TATHĀGATĀYA

3) Thiện Danh Xung Cát Tường Như Lai, chủng tử A (श्री)

नमो भगवते सुपरिकुल नमो श्री राज गणेशाय

NAMO BHAGAVATE SUPARIKIRTI-NAMA-ŚRĪ-RĀJA TATHĀGATĀYA

4) Thích Ca Như Lai, chủng tử BHA (भ)

नमो भगवते भिक्षुसुनय गणेशाय नमो मयुक्तरथ

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYAMUṆAYE TATHĀGATĀYA

5) Pháp Hải Thắng Sát Du Hỷ Thân Thông Như Lai, chủng tử A (श्री)

नमो भगवते धर्म कुल मंगलय मंगल वैकुण्ठेश्वरेश्वर गणेशाय

NAMO BHAGAVATE

DHARMA-KIRTI-SĀGARĀGRA-MATI-

VIKRIDITĀBHIJÑĀ-RĀJA TATHĀGATĀYA

6) Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tụ Tại Vương Như Lai, chủng tử RA

(र)

नमो भगवते रत्न चंद्र पद्म पण्डिताय नमो गुरु सुरायेश्वर गणेशाय

NAMO BHAGAVATE

RATNA-CANDRA-PADMA-PRATIMANĀDITA

PAṆḌITA-TAJAḤ-SVARAGHOṢA-RĀJA TATHĀGATĀYA

7) Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai, chủng tử VA (𑖦)
𑖦𑖳 𑖦𑖳𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
NAMO BHAGAVATE SUVARṆA-BHADRA-VIMALA-RATNA-PRABHA-
SAVRATA TATHĀGATĀYA

_ Lốp thứ hai từ trái sang phải là :

1) Chính giữa: Dược Sư Như Lai, chủng tử BHAI (𑖦)
𑖦𑖳 𑖦𑖳𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIDŪRYA PRABHA-
RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

2) Bên phải: Nhật Quang Bồ Tát, chủng tử SŪ (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO SŪRYA-PRABHĀYA

3) Bên trái: Nguyệt Quang Bồ Tát, chủng tử CA (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO CANDRA-PRABHĀYA

_ Hai cột dọc ở giữa là 8 vị Đại Bồ Tát:

.) Cột bên trái từ trên xuống dưới:

1_ Văn Thù Sư Lợi, chủng tử MAM (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO MAMJUŚRĪYA

2_ Đại Thế Chí, chủng tử SAH (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA

3_ Dược Vương, chủng tử BHAI (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO BHAIṢAIJYA-RĀJĀYA

4_ Bảo Đàn Hoa, chủng tử RA (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO RATNA-MANḌALA-PUṢPAYA

.) Cột bên phải từ trên xuống dưới:

1_ Di Lặc, chủng tử MAI (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO MAITREYĀYA

2_ Quán Tự Tại, chủng tử SA (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO AVALOKITEŚVARĀYA

3_ Dược Thượng, chủng tử BHAI (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO BHAIṢAIJYA-SAMUDGATĀYA

4_ Vô Tận Ý, chủng tử A (𑖦)

𑖦𑖳 𑖦𑖳 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦
OM _ NAMO AKṢAYA-MATEYA

_ Bốn cột bên ngoài từ trái sang phải là 12 vị Đại Tướng Dược Xoa:

.) Cột thứ nhất từ trên xuống dưới:

1_ **Ngọ Thần**, chủng tử TRĀM (𑖔)

ॐ नमः सिद्धये

OM _ NAMO ŚANDIRĀYA

2_ **Thân Thần**, chủng tử CA (𑖘)

ॐ नमः सिद्धये

OM _ NAMO ANDIRĀYA

3_ **Tuất Thần**, chủng tử SA (𑖑)

ॐ नमः वज्रये

OM _ NAMO VAJRĀYA

.) Cột thứ hai từ trên xuống dưới:

1_ **Tý Thần**, chủng tử TĀ (𑖔)

ॐ नमः विकारये

OM _ NAMO VIKARALĀYA

2_ **Dần Thần**: chủng tử A (𑖑)

ॐ नमः सिद्धये

OM _ NAMO SINDURĀYA

3_ **Thìn Thần**, chủng tử MA (𑖑)

ॐ नमः पञ्चये

OM _ NAMO PAJRĀYA

.) Cột thứ ba từ trên xuống dưới:

1_ **Sửu Thần**, chủng tử HŪM (𑖔)

ॐ नमः चतुरये

OM _ NAMO CATURĀYA

2_ **Mão Thần**, chủng tử RA (𑖔)

ॐ नमः मकुरये

OM _ NAMO MAKURĀYA

3_ **Tỵ Thần**, chủng tử HA (𑖔)

ॐ नमः इन्द्रये

OM _ NAMO INDRĀYA

.) Cột thứ tư từ trên xuống dưới:

1_ **Mùi Thần**, chủng tử MA (𑖑)

ॐ नमः मजिरये

OM _ NAMO MAJIRĀYA

2_ **Dậu Thần**, chủng tử HRĪḤ (𑖑)

ॐ नमः मेहिरये

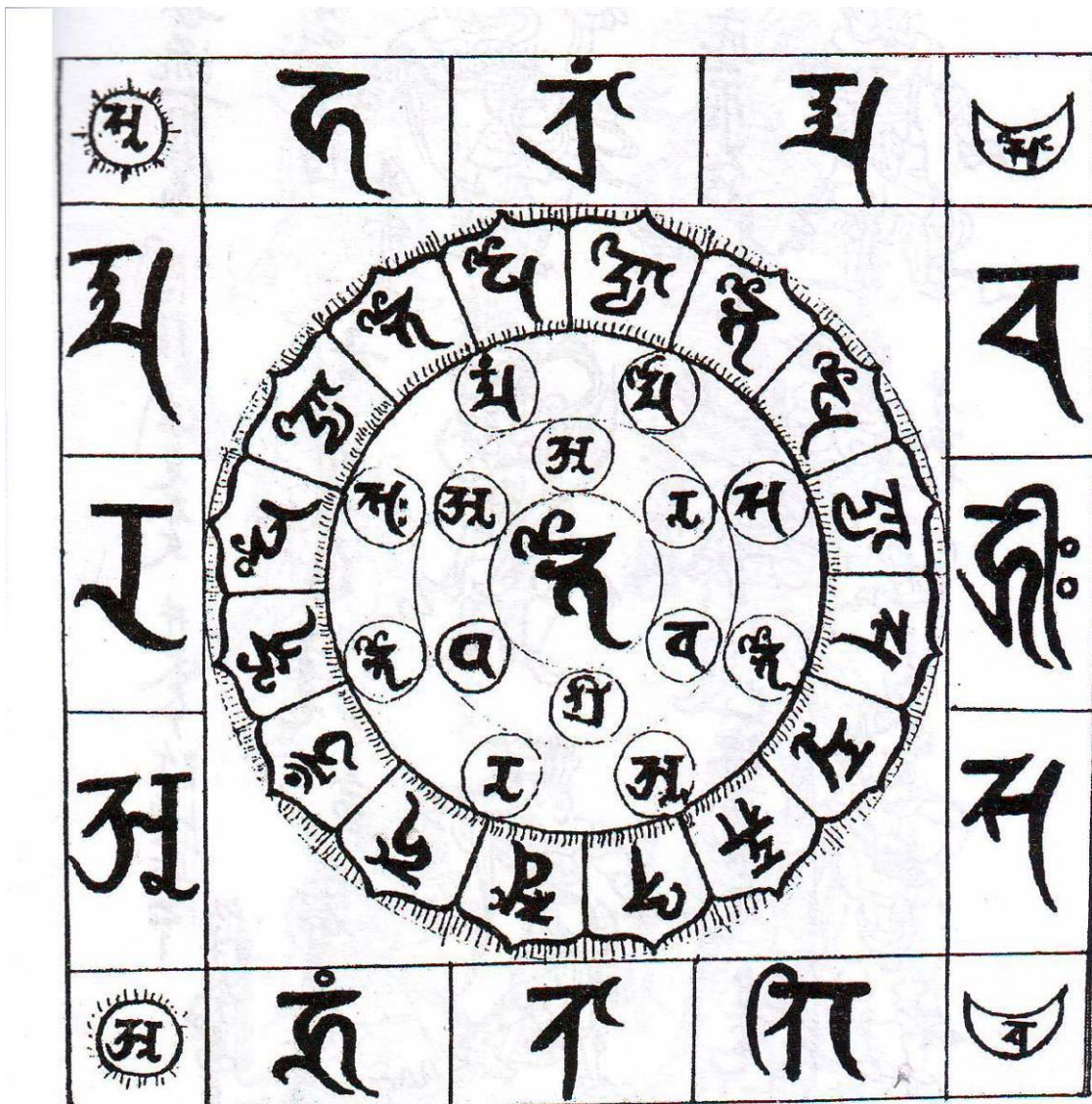
OM _ NAMO MEHIRĀYA

3_ **Hợi Thần**, chủng tử GI (𑖑)

ॐ नमः कुम्भीये

OM _ NAMO KUMBHĪRĀYA

DƯỢC SƯ PHÁP ĐÀN



I_ Lóp thứ nhất ở trung ương

_ Chính giữa: Dược Sư Như Lai, chủng tử BHAI (ॐ)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMO BHAGAVATE BHAŚAIJYA GURU VAIDŪRYA PRABHARĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Chung quanh Đức Phật Dược Sư có sáu Đức Phật theo thứ tự là:

_ Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai, chủng tử ŚRA (ॐ)

ॐ नमो भगवते अशोक उत्तम श्रीये तथगतये ॐ नमो भगवते अशोक उत्तम श्रीये तथगतये ॐ नमो भगवते अशोक उत्तम श्रीये तथगतये ॐ नमो भगवते अशोक उत्तम श्रीये तथगतये ॐ नमो भगवते अशोक उत्तम श्रीये तथगतये ॐ नमो भगवते अशोक उत्तम श्रीये तथगतये

NAMO BHAGAVATE AŚOKA-UTTAMA-ŚRĪYE TATHĀGATĀYA

_ Pháp Hải Lôî Âm Như Lai, chủng tử DHA (ॐ)

ॐ नमो भगवते धर्म सगर गरजनेये नमो भगवते धर्म सगर गरजनेये ॐ नमो भगवते धर्म सगर गरजनेये ॐ नमो भगवते धर्म सगर गरजनेये ॐ नमो भगवते धर्म सगर गरजनेये ॐ नमो भगवते धर्म सगर गरजनेये ॐ नमो भगवते धर्म सगर गरजनेये

NAMO BHAGAVATE DHARMA-SĀGARA-GARJANĀYA TATHĀGATĀYA

_ **Thiện Danh Xưng Cát Tường Như Lai**, chủng tử A (𑖀)
 नम भगवत सुपरिकीर्तन नमदयै श्री एतय नमगतय
 NAMO BHAGAVATE SUPARI-KĪRTITA-NĀMADHEYA-ŚRĪ-RĀJĀYA
 TATHĀGATĀYA

_ **Pháp Hải Thắng Tuệ Du Hý Thần Thông Như Lai**, chủng tử A (𑖀)
 नम भगवत धर्मसारैयमते धर्मद्वन्द्वयै नमगतय
 NAMO BHAGAVATE DHARMA-SĀGARA-JAYAMATI-
 VIKRĪDITĀBHĪJÑĀYA TATHĀGATĀYA

_ **Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai**, chủng tử RA (𑖃)
 नम भगवत रत्नचन्द्रायै चतुर्भुजायै एतय नमगतय
 NAMO RATNA-CANDRA-JÑĀNA-PRATIMANḌITA PRABHA-
 GHOṢĒSVARA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

_ **Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hành Thành Tựu Như Lai**, chủng tử VA (𑖕)
 नम भगवत सुवर्ण रत्नचन्द्र सुवृत्तसिद्धयै नमगतय
 NAMO BHAGAVATE SUVARṆA-RATNA-PRABHA-SUVṚTTATĀ-
 SIDDHAYA TATHĀGATĀYA

II_ Lốp thứ hai vây chung quanh gồm tám vị Bồ Tát: (khởi đầu từ phương Đông Bắc, thứ tự xoay vòng theo bên phải)

1_ **Văn Thù Sư Lợi**, chủng tử MAM (𑖓)

𑖀 नम मञ्जुश्रीयै
 OM _ NAMO MAMJUŚRĪYA

2_ **Di Lặc**, chủng tử MAI (𑖓)

𑖀 नम मैत्रेय्यै
 OM _ NAMO MAITREYĀYA

3_ **Quán Tự Tại**, chủng tử SA (𑖓)

𑖀 नम अवलोकितेश्वर्यै
 OM _ NAMO AVALOKITEŚVARĀYA

4_ **Dược Vương**, chủng tử BHAI (𑖓)

𑖀 नम वैश्रवण्यै
 OM _ NAMO BHAIṢAIJYA-RĀJĀYA

5_ **Vô Tận Ý**, chủng tử A (𑖀)

𑖀 नम अक्षयाम्यै
 OM _ NAMO AKṢAYA-MATEYA

6_ **Bảo Đàn Hoa**, chủng tử RA (𑖃)

𑖀 नम रत्नमण्डलपुष्पयै
 OM _ NAMO RATNA-MANḌALA-PUṢPAYA

7_ **Dược Thượng**, chủng tử BHAI (𑖓)

𑖀 नम वैश्रवणसमुद्रगत्यै
 OM _ NAMO BHAIṢAIJYA-SAMUDGATĀYA

8_ **Đại Thế Chí**, chủng tử SAH (𑖓)

𑖀 नम महैश्वर्यप्रै
 OM _ NAMO MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA

ॐ नम सुप्रभस्य

OM _ NAMO SŪRYA-PRABHĀYA

.)Góc dưới, bên trái là **Nguyệt Quang Bồ Tát**, chủng tử CA (ॐ)

ॐ नम चंद्रप्रभस्य

OM _ NAMO CANDRA-PRABHĀYA

.)Góc trên, bên phải là **Nhật Thần**, chủng tử SU (ॐ)

ॐ नम अदित्यस्य

OM _ NAMO ĀDITYĀYA

.)Góc trên, bên trái là **Nguyệt Thần**, chủng tử SO (ॐ)

ॐ नम सप्तस्य

OM _ NAMO SOMĀYA